|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trường: ………………………………..** |  | **Họ và tên giáo viên:** |
| **Tổ: ……………………………………** |  | **……………………….** |

**ÔN TẬP CHỦ ĐỀ TÍNH CHẤT TỪ**

**I. Mục tiêu**  
**1. Năng lực:**

**1.1. Năng lực chung:**

*- Năng lực tự chủ và tự học: Đọc tóm tắt lại những nội dung đã được học về chủ đề tính chất từ.*

*- Năng lực giáo tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để tìm ra các bước giải bài tập.*

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đưa ra các cách giải quyết bài tập khác nhau.*

**1.2. Năng lực đặc thù:**

*- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Vận dụng kiến thức đã học về lực giải thích được một số hiện tượng trong đời sống.*

**2. Phẩm chất:**

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Nhân ái: Tôn trọng sự khác biệt về năng lực nhận thức.

- Chăm chỉ: Luôn cố gắng học tập đạt kết quả tốt.

- Trung thực: Khách quan trong kết quả.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:**

Chuẩn bị phiếu bài tập, powerpoint.

**2. Học sinh:**

Ôn lại kiến thức đã học.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:** Giúp học sinh ôn tập là củng cố lại kiến thức đã học.

**b) Nội dung:**GV: Kiểm tra việc thực hiện làm bài tập ôn tập ở nhà.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a) Mục tiêu:** Hướng dẫn học sinh trả lời một số dạng bài tập

**b) Nội dung:**Vấn đáp GV – HS để gợi ý về những vấn đề cần nhớ.

**c)****Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy

**d)****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  GV: Yêu cầu học sinh nêu tính chất của nam châm  + Nêu được từ trường xuất hiện ở đâu?  + Nhắc lại khái niệm từ phổ, đường sức từ và đặc điểm của chúng?  + Nêu cách tạo ra từ phổ?  + Cấu tạo của nam châm điện?  ***\* Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS: Trả lời  ***\* Báo cáo kết quả và thảo luận***  1-2 HS nhận xét  ***\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  GV kết luận | **I. Ôn tập kiến thức.**  Trình bày bằng sơ đồ tư duy |

**3. Hoạt động 3. Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Học sinh vận dụng kiến thức để làm một số bài tập.

**b) Nội dung:**GV chiếu bài tập.

**c)****Sản phẩm:**

Bài tập trắc nghiệm

**d)****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  GV: Yêu cầu học sinh làm bài tập  ***\* Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS: Trả lời  ***\* Báo cáo kết quả và thảo luận***  1-2 HS nhận xét  ***\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  GV kết luận | **II. Bài tập**   1. Trên thanh nam châm chỗ nào hút sắt mạnh nhất?   A. Phần giữa của thanh.  B. Hai đầu thanh.  C. Từ cực Bắc.  D. Từ cực Nam.   1. Khi nào hai thanh nam châm hút nhau?   A. Khi đặt gần nhau.  B. Khi đặt hai đầu Bắc gần nhau.  C. Khi đặt hai đầu Nam gần nhau.  D. Khi đặt hai đầu khác tên gần nhau.   1. Vì sao nói Trái Đất cũng là một nam châm khổng lồ?   A. Vì Trái Đất quay quanh Mặt Trời.  B. Vì Mặt Trăng có thể quay quanh Trái Đất.  C. Vì kim la bàn luôn hướng theo chiều Bắc - Nam của cực Trái Đất.  D. Vì một nguyên nhân khác.   1. Nam châm vĩnh cửu có thể hút được các vật nào sau đây?   A. Sắt, thép, niken.  B. Sắt, nhôm, vàng.  C. Nhôm, đồng, chì.  D. Sắt, đồng, bạc.   1. Bình thường kim nam châm luôn chỉ hướng   A. Đông - Nam.  B. Bắc - Nam.  C. Tây - Bắc.  D. Tây – Nam.   1. Phát biểu nào sau đây là không đúng khi nói về nam châm?   A. Nam châm có tính hút được sắt, niken.  B. Khi bẻ đôi một nam châm, ta được hai nam châm mới.  C. Nam châm luôn có hai từ cực Bắc và Nam.  D. Mọi chỗ trên nam châm đều hút sắt mạnh như nhau.   1. Nam châm hình chữ U hút các vật bằng sắt, thép mạnh nhất ở   A. phần thẳng của nam châm.  B. phần cong của nam châm.  C. hai từ cực của nam châm.  D. từ cực Bắc của nam châm.   1. Một nam châm vĩnh cửu không có những đặc tính nào sau đây?   A. Hút sắt.  B. Hút đồng.  C. Hút nam châm khác.  D. Định hướng theo cực của Trái Đất khi để tự do.  **Câu 9:** Chiều của đường sức từ của nam châm được vẽ như sau:  Tên các cực từ của nam châm là  A. A là cực Bắc, B là cực Nam  B. A là cực Nam, B là cực Bắc.  C. A và B là cực Bắc.  D. A và B là cực Nam.  → Đáp án  B  **Câu 10:**Các nam châm điện được mô tả như hình sau:  Hãy cho biết nam châm nào mạnh hơn?  A. Nam châm a  B. Nam châm c  C. Nam châm b  D. Nam châm e  → Đáp án  D |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức ở mức độ cao hơn.

**b) Nội dung:**Câu hỏi và bài tập.

**c)****Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d)****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  GV: Yêu cầu học sinh làm bài tập  ***\* Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS: Trả lời  ***\* Báo cáo kết quả và thảo luận***  1-2 HS nhận xét  ***\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  GV kết luận | **Câu 1:** Cho ống dây AB có dòng diện chạy qua. Một nam châm thử đặt ở đầu B của ống dây, khi đứng yên nằm định hướng như hình sau:  Tên các từ cực của ống dây được xác định là:  A. A là cực Bắc, B là cực Nam.  B. A là cực Nam, B là cực Bắc.  C. Cả A và B là cực Bắc.  D. Cả A và B là cực Nam.  → Đáp án  B  **Câu 2:** Cách nào để làm tăng lực từ của nam châm điện?  A. Dùng dây dẫn to cuốn ít vòng.  B. Dùng dây dẫn nhỏ cuốn nhiều vòng.  C. Tăng số vòng dây dẫn và giảm hiệu điện thế đặt vào hai đầu ống dây.  D. Tăng đường kính và chiều dài của ống dây.  → Đáp án  B  **Câu 3:** Từ phổ là hình ảnh cụ thể về:  A. các đường sức điện.  B. các đường sức từ.  C. cường độ điện trường.  D. cảm ứng từ.  → Đáp án  B  **Câu 4:** Độ mau, thưa của các đường sức từ trên cùng một hình vẽ cho ta biết điều gì về từ trường?  A. Chỗ đường sức từ càng mau thì từ trường càng yếu, chỗ càng thưa thì từ trường càng mạnh.  B. Chỗ đường sức từ càng mau thì từ trường càng mạnh, chỗ càng thưa thì từ trường càng yếu  C. Chỗ đường sức từ càng thưa thì dòng điện đặt ở đó có cường độ càng lớn.  D. Chỗ đường sức từ càng mau thì dây dẫn đặt ở đó càng bị nóng lên nhiều.  → Đáp án  B  **Câu 5:** Chọn phát biểu đúng  A. Có thể thu được từ phổ bằng rắc mạt sắt lên tấm nhựa trong đặt trong từ trường.  B. Từ phổ là hình ảnh cụ thể về các đường sức điện.  C. Nơi nào mạt sắt dày thì từ trường yếu.  D. Nơi nào mạt sắt thưa thì từ trường mạnh.  → Đáp án  A  **Câu 6.** Để biết nơi nào đó có từ trường hay không ta dùng dụng cụ nào sau đây là thích hợp nhất?  A. Ampe kế.  B. Vôn kế.  C. Điện kế.  D. Nam châm thử.  **Câu 7.** Lực do dòng điện tác dụng lên kim nam châm thử làm lệch kim nam châm gọi là:  A. Lực hấp dẫn.  B. Lực hút.  C. Lực từ.  D. Lực điện.  **Câu 8.** Từ trường không tồn tại ở đâu?  A. Xung quanh nam châm.  B. Xung quanh dòng điện.  C. Xung quanh điện tích đứng yên.  D. Xung quanh Trái Đất. |